

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 9 – 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.
2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Đà V.**

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Phan Thanh T.**

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lý Thị Đà V trình bày:

Chị V và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian hôn nhân, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị V không còn sống chung với anh T từ đầu năm 2019 đến nay. Chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị V với anh T có hai người con chung là cháu Phan Thị Thúy N, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 10/11/2016. Hiện tại, các con đang sống chung với anh T. Chị V yêu cầu giao cháu K cho chị V, còn cháu N giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Thanh T: Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; hai con chung cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi vì các con đang sống chung với anh T; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào bản sao Trích lục kết hôn số 561/TLKH-BS ngày 12 tháng 5 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị V và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 02/3/2015. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do; trong quá trình giải quyết vụ án, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh T; anh, chị không còn sống chung từ cuối năm 2019 đến nay.

Do đó, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[2.2] Về con chung:

Chị V với anh T có hai con chung, chị V yêu cầu giao cháu K cho chị nuôi dưỡng, còn cháu N giao anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, các con chung đang sống chung anh T; nhằm ổn định cuộc sống cho con chung, đồng thời căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nên giao cháu K và cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi theo quy định của khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quyền, nghĩa vụ của chị V đối với con chung: Chị V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh T; chị V cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con, nên chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lý Thị Đà V được ly hôn với bị đơn anh Phan Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Thị Thúy N, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2014 và cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2016 cho anh Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K và cháu N tròn 18 (mười tám) tuổi.

Chị Lý Thị Đà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lý Thị Đà V không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Đà V phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002347 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh